

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nhòng,
2. Ông Vũ Đức Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đoàn Thị L, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn X, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn X, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản hoà giải, nguyên đơn là chị Đoàn Thị L trình bày:

Chị L và anh Phạm Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 07/3/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; anh Đ thường

xuân uống rượu say, đánh chửi, xúc phạm chị L. Tháng 5 năm 2021, chị L thay đổi chỗ làm việc, anh Đ đánh chửi, xúc phạm chị L nhiều hơn. Chị L đã nhiều lần cho anh Đ cơ hội để sửa sai nhưng anh Đ không thay đổi. Đầu tháng 8 năm 2021, do bị anh Đ đánh nên chị L đã bỏ nhà đi thuê trọ ở nơi khác, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Kể từ khi chị L bỏ nhà đi, anh Đ và gia đình cũng không tìm gặp để động viên chị quay về, anh Đ còn gọi điện làm phiền bố mẹ và em gái chị làm ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị L yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Anh chị có 02 con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2011 và Phạm Đăng K, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2019. Khi ly hôn, chị L yêu cầu Toà án giao cho chị trực tiếp nuôi con K, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi con Tuấn A vì cháu K mới hơn 2 tuổi rất cần sự chăm sóc của mẹ. Hiện chị đi thuê trọ nên không thể đưa con đến chỗ trọ ở cùng; khi giải quyết ly hôn xong, nếu được nuôi con, chị sẽ đưa con về nhà bố mẹ của chị ở Quảng Nam sinh sống. Bố mẹ chị còn trẻ, có sức khỏe có thể hỗ trợ chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Hiện chị làm công nhân, có thu nhập ổn định, bình quân khoảng 07 triệu đồng/tháng; trong khi anh Đ làm thợ hồ, công việc và thu nhập không ổn định, bố mẹ anh Đ mặc dù có thể hỗ trợ anh Đ nuôi con nhưng đều đã già yếu. Chị tự thỏa thuận với anh Đ về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản hoà giải, bị đơn là anh Phạm Văn Đ trình bày:

Những nội dung chị L trình bày về thời gian, địa điểm kết hôn và thời gian sống ly thân giữa anh chị là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi nhau. Chị L đi làm xa, thường về muộn nhưng không quan tâm đến gia đình, chồng con; khi anh Đ khuyên bảo, nhắc nhở chị L thì chị không nghe còn thách thức nên trong lúc nóng giận anh đã đánh chị L. Ngày 14/8/2021, anh Đ đi làm về thấy chị L gấp quần áo, định bế con bỏ nhà đi, anh khuyên ngăn chị L không được nên đã đánh chị L khiến chị L bỏ nhà đi ra ngoài thuê trọ, từ đó chị L không về nhà. Kể từ khi chị L bỏ đi, anh Đ đã nhiều lần tìm gặp động viên chị quay về đoàn tụ nhưng chị không chấp nhận, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa trầm trọng, anh Đ không muốn ly hôn và có nguyện vọng được đoàn tụ với chị L để chăm sóc nuôi dạy các con vì các con còn quá nhỏ.

Anh chị có 02 con chung như chị L trình bày. Trường hợp ly hôn, anh Đ đề nghị Toà án giao cả 02 con cho anh trực tiếp nuôi vì các con còn nhỏ không thể theo mẹ đi ở trọ; bản thân anh làm thợ hồ, thu nhập ổn định, bình quân mỗi tháng khoảng 09 triệu đồng. Nhà anh ở gần bố mẹ đẻ nên bố mẹ anh có thể hỗ trợ anh chăm sóc nuôi dưỡng các con. Anh tự thỏa thuận với chị L về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Đ và chị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 07/3/2011. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh từ đầu năm 2021 do anh Đ hay uống rượu say, mắng chửi chị L, một phần do

chị L đi làm xa nhà, làm cả ca ngày và ca đêm, đi sớm về muộn nên vợ chồng xảy ra bất đồng, cãi nhau. Khoảng tháng 8 năm 2021, anh chị xô xát, trong lúc nóng giận anh Đ đã đánh chị L nên chị L bỏ nhà đi từ đó đến nay không về. Anh chị có 02 con chung, cháu lớn đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với bố, cháu nhỏ chưa đủ 03 tuổi. Anh Đ và chị L đều có công việc, thu nhập ổn định, bố mẹ còn khỏe mạnh có thể hỗ trợ anh chị chăm sóc con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có văn bản thể hiện việc thay đổi ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ; mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị L: Xử cho chị Đoàn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn Đ; giao con Phạm Tuấn A, sinh ngày 17/8/2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi, giao con Phạm Đăng K, sinh ngày 08/10/2019 cho chị L trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung: Do anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị L thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Phạm Văn Đ là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn X, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn (anh Đ) được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị L và anh Phạm Văn Đ được xác lập từ ngày 07/3/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do anh Đ thường xuyên uống rượu say, đánh chửi, xúc phạm chị L; một phần do chị L đi làm xa nhà, đi sớm về muộn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Do mâu thuẫn gay gắt nên chị L đã thuê nhà trọ và sinh sống ở nơi khác từ tháng 8 năm 2021; anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh Đ đã nhiều lần tìm gặp động viên chị L quay về đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị L được ly hôn anh Đ.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 17/8/2011 và Phạm Đăng K, sinh ngày 08/10/2019. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con K, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi con Tuấn A; anh Đ đề nghị giao cả 02 con cho anh trực tiếp nuôi. Xét thấy, anh Đ và chị L đều có công việc, thu nhập ổn định; ngoài ra, anh Đ còn có sự hỗ trợ từ bố mẹ trong việc chăm sóc con nên anh chị đều có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Xét thấy các bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con; cháu K dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ, cháu Tuấn A trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với bố; để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L: Giao con K cho chị L trực tiếp nuôi, giao con Tuấn A cho anh Đ trực tiếp nuôi. Về việc cấp dưỡng cho con: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con Phạm Tuấn A, sinh ngày 17/8/2011 cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi; giao con Phạm Đăng K, sinh ngày 08/10/2019 cho chị Đoàn Thị L trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006116 ngày 18/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 2011);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyến

